

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: **26/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/8/2018

V/v: “*Yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Trang

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Việt Hùng

2. Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:**
Bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đắc Quốc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 89/2018/TLST- HNGĐ; ngày 07 tháng 3 năm 2018, về việc “*Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Giang Thị M, sinh năm 1975

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** Ông TChình Và L, sinh năm 1978

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai, tại phiên tòa bà Giang Thị M trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông TChình Và L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1998 trên cơ sở tự tìm hiểu, yêu thương nhau nhưng không có đăng ký kết hôn vì vợ chồng không am hiểu pháp luật.

Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng thì về nhà cha mẹ chồng tại xã N, huyện B ở khoảng hai năm thì về lại thị trấn P sinh sống cho đến nay. Vợ chồng sống hạnh

phúc cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu do ông L không chung thủy với bà. Đến tháng 7 năm 2017 ông L có quan hệ với người phụ nữ khác tại thôn C, xã P, huyện B, thường xuyên vắng nhà, giữa bà và ông L đã phát sinh mâu thuẫn và đánh đập nhau

Bà xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục sống chung với ông L nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông L là vợ chồng.

Về con chung: vợ chồng bà có 02 con chung là TChình Nam S, sinh ngày 04/8/1998 (đã trưởng thành) và TChình Mỹ L, sinh ngày 02/01/2001, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Linh cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà Giang Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà và ông L có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh PRC số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), bà đã thanh toán hết số nợ trên cho Ngân hàng vào ngày 01/8/2018 nên vợ chồng không có nợ chung.

*** Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông TChình Và L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Giang Thị M xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1998 trên cơ sở tự tìm hiểu, yêu thương nhau nhưng không có đăng ký kết hôn vì vợ chồng không am hiểu pháp luật, có tổ chức lễ cưới.

Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng thì về nhà cha mẹ ông tại xã N, huyện B ở khoảng hai năm thì về lại thị trấn P sinh sống cho đến nay. Trong cuộc sống chung của vợ chồng đôi lúc cũng phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn. Vì ông có ruộng tại thôn C, xã P, huyện B nên thường xuyên vắng nhà nhưng bà M lại nghi ngờ ông có quan hệ với người phụ nữ khác. Vì vậy mà vợ chồng ông thường xuyên mâu thuẫn, gây gổ đánh nhau.

Nay cảm thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung với bà M nên ông cũng đồng ý với yêu cầu của bà M, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông và bà M là vợ chồng.

Về con chung: vợ chồng ông có 02 con chung là TChình Nam S, sinh ngày 04/8/1998 (đã trưởng thành) và TChình Mỹ L, sinh ngày 02/01/2001. Ông đồng ý với ý kiến của bà M giao cháu Linh cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông L khai trong thời kỳ hôn nhân ông và bà M có tạo lập một số tài sản gồm:

+ Có 01 ngôi nhà cấp 3, diện tích xây dựng 56,2 m². Nhà xây dựng trên diện tích đất ở 66,8 m²; tọa lạc tại dân phố 28, khu phố H, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Nhà và đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 713404 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 14/6/2016.

Đất có nguồn gốc là do mẹ ruột bà M cho bà M sau khi lấy ông còn nhà là do vợ chồng ông cùng nhau đóng góp xây dựng vào năm 2016.

+ Có 02 hecta đất ruộng; tọa lạc tại thôn C, xã P, huyện B do ông đứng tên đã chuyển nhượng tặng cho con trai là TChình Nam S vào năm 2017.

+ Có 01 chiếc máy Xới.

+ Có 01 chiếc xe Air Blade

+ Có 01 chiếc xe Super Dream, biển số: 86B2 – 255.82, trong giai đoạn điều tra ông yêu cầu Tòa án phân chia theo pháp luật. Tuy nhiên, khi Tòa án tổng đạt thông báo nộp tạm ứng án phí cho khoản tranh chấp tài sản, ông không nộp tạm ứng án phí tranh chấp tài sản.

Về nợ chung: ông và bà M có nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh PRC số tiền 250.000.000 đồng

Nay bà Giang Thị M đã thanh toán hết số nợ trên cho Ngân hàng vào ngày 01/8/2018 nên tại Tòa hôm nay, theo ông L vợ chồng không có nợ chung và ông không còn yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản đối với bà M

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203, 237, 239 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 điều 53, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Giang Thị M với ông TChình Và L là vợ chồng

Về con chung: Giao TChình Mỹ L, sinh ngày 02/01/2001 cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành, bà M không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

Về án phí: bà M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông TChình Và L có nơi cư trú tại khu phố H, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, vì vậy yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Giang Thị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Tuy Phong, được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Giang Thị M HĐXX nhận thấy: Tại thời điểm chung sống với nhau như vợ chồng, bà Giang Thị M và ông TChình Và L có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng đến nay ông, bà vẫn chưa đăng ký kết hôn đã vi phạm khoản 1, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà M, ông L xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể sống chung với nhau được nữa, không ai quan tâm đến nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù mâu thuẫn trong cuộc sống giữa bà M và ông L đã thật sự trầm trọng nhưng HĐXX không thể cho ông, bà ly hôn như yêu cầu mà cần phải áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Giang Thị M và ông TChình Và L là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: bà M và ông L có 02 con chung là TChình Nam S, sinh ngày 04/8/1998 (đã trưởng thành) và TChình Mỹ L, sinh ngày 02/01/2001. Bà M và ông L đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung là giao cháu Linh bà M tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Linh tại biên bản ghi lời khai vào ngày 24/5/2018; bà M không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà M và ông L tự thỏa thuận về tài sản chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: vào ngày 03/8/2018 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh PRC có đơn rút yêu cầu khởi kiện vợ chồng bà M, ông L; lý do rút đơn: vào ngày 01/8/2018 bà Giang Thị M đã thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã ra Quyết định tách vụ án, số: 01/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2018 và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, số: 72/2018/QĐST-DS ngày 06/8/2018 nên HĐXX không xem xét, giải quyết quan hệ này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Giang Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định về việc giải quyết ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

- Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Giang Thị M và ông TChình Và L là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: bà M và ông L có 02 con chung là TChình Nam S, sinh ngày 04/8/1998 (đã trưởng thành) và TChình Mỹ L, sinh ngày 02/01/2001.

Giao cháu Linh cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Bà M không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Bà M không được ngăn cản ông L trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Giang Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng bà M đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0019023 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong; bà M đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo của bà Giang Thị M và ông TChình Và L là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án hôm nay (22/8/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7A và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND TT.Phần Rí Cửa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Thị Thu Trang